

Bản án số: 275/2018/HS-ST
Ngày 14 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 351/2018/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2018/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Trần Văn T**, sinh năm 1974 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú, chỗ ở: đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Văn Th (chết) và bà Nguyễn Thị Ph; có vợ đã ly hôn; có hai con, sinh năm 1998 và 1999; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong phạt tù ngày 22/12/2017. Nhân thân:

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 72/HSST ngày 11/5/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/12/1995.

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 258/HSST ngày 0/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2013. Án phí nộp vào ngày 10/9/2014.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/8/2018; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1962; nơi cư trú: đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Kh, sinh năm 1971; nơi cư trú: đường Đ, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Thành L, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 20 phút, ngày 01/8/2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Future biển kiểm soát 79 L1 – xxxx vòng quanh khu vực phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Khi đi ngang qua khu vực công trình xây dựng tại số 09 đường L, phường H, thành phố N, T thấy không ai trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền sử dụng cho bản thân. T dựng xe trước cổng công trình rồi đi bộ vào trong, lén lút trộm 01 máy duỗi sắt hiệu Hòa Phát của anh Lê Văn H. Khi vừa đặt tài sản trộm cắp được lên xe của mình để đi thiêu thụ thì bị người dân phát hiện, bắt quả tang và giao cho Công an phường H cùng tang vật.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố N, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 337/HĐĐG ngày 03/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N xác định: 01 máy duỗi sắt hiệu Hòa Phát có giá trị 3.080.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 277/KSĐT-XXSTHS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều

51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét, tuyên bị cáo phải chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.* Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài, vào khoảng 09 giờ 20 phút, ngày 01/8/2018, tại công trình xây dựng tại số 09 đường L, phường H, thành phố N, Trần Văn T đã lén lút trộm 01 máy duỗi sắt hiệu Hòa Phát của anh Lê Văn H thì bị bắt quả tang. Giá trị tài sản trộm cắp là 3.080.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Do đó, Cáo trạng số 277/KSĐT-XXSTHS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo vào năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2017. Sau khi ra tù, và chưa hết thời gian để được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015. Về nhân thân, trước đó năm 1994 và năm 2012 bị cáo cũng đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản. Ngoài ra, bị cáo đang bị Cơ quan điều tra công an thị xã Ninh Hòa khởi tố điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Điều này, chứng tỏ bị cáo thể hiện sự coi thường tài sản của người khác, xem thường pháp luật. Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm minh, cách ly bị cáo một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội chưa gây ra thiệt hại; tài sản phạm tội đã được trả lại cho người bị hại, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản trộm cắp là một máy duỗi sắt hiệu Hòa Phát đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố Nha Trang trả lại cho bị hại anh Lê Văn H đúng pháp luật. Tại phiên tòa, người bị hại vắng mặt, nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh H đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chiếc xe máy Future, biển kiểm soát 79L1 - xxxx bị cáo sử dụng để thực hiện trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe máy này là của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim Kh (là anh ruột và chị dâu của bị cáo), xe máy đứng tên chủ sở hữu là bà Kh. Ông T1, bà Kh cho bị cáo mượn để sử dụng và không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cơ quan điều tra công an thành phố N đã trả lại cho ông T1, bà Kh là đúng quy định. Tại phiên tòa, ông T1, bà Kh vắng mặt, nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông T1, bà Kh đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T **01 (một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kim Kh đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không xét.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. N;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng